TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2025
V/v: Ly hôn giữa chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Bùi Hải N, sinh năm 1997; số CCCD: 03719700xxxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 314 đường T, phường B, thành phố L (cũ là thành phố B), tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cư trú: Số 7/516 đường Đ, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Anh Trần Hùng K, sinh năm 1976; Số CCCD: 03607600xxxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 920 đường T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ cư trú: Số 07 đường D, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N và anh K có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 25-02-2025, bản tự khai ngày 07-3-2025 nguyên đơn là chị Bùi Hải N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hùng K tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến ngày 08-3-2024 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Từ tháng 5/2024 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn, đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Hùng K.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 11-3-2025 và đơn xin vắng mặt đề ngày 14-4-2025 bị đơn là anh Trần Hùng K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị Bùi Hải N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Trong cuộc sống chung, anh nóng tính và có nhiều lời nói làm tổn thương tình cảm của chị N. Từ tháng 5-2024 chị N chuyển đi nơi khác, cắt đứt liên lạc với anh. Bản thân anh không muốn ly hôn vì còn tình cảm với chị N nhưng anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được nên anh đồng ý ly hôn với chị N. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại Công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định ngày 11-4-2025 xác định: Anh Trần Hùng K, sinh năm 1976; CCCD: 03607600xxxx có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số 920 đường T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; hiện đang sinh sống, cư trú tại địa chỉ: Số 07 đường D, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị N và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25-02-2025 chị Bùi Hải N làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Trần Hùng K; mặc dù anh K đăng ký thường trú tại Số 920 đường T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; hiện đang sinh sống, cư trú tại địa chỉ: Số 07 đường D, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

1.2 Về sự có mặt của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn là chị Bùi Hải N, bị đơn là anh Trần Hùng K có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội vào ngày 08-3-2024 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ tháng 5-2024 cho đến nay, mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn mặc dù anh K không đồng ý ly hôn. Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 14-4-2025 anh K trình bày quan điểm nhất trí ly hôn với chị N.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K.

2.2 Về con chung: Chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bùi Hải N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Hải N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002629 ngày 03 tháng 3 năm 20245 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Hải N và anh Trần Hùng K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền